

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN

Bản án số: 51/2020/HS-ST
Ngày 28-10-2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nông Thị Huyền Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Triệu Thanh Thủy;

Ông Bùi Văn Khiêm.

- Thư ký phiên toà: Ông Nông Đàm Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Lê Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2020 tại nhà Văn hóa thôn B, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn P, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1985 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn 8/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn L và bà Hoàng Thị N; có vợ là Lộc Thị Y và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2011); tiền án: Bị Tòa nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 05 năm tù về tội Mua bán người tại Bản án số: 19/2015/HS-ST, ngày 02/6/2015, chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 05/6/2020, sau đó tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Vương Văn T, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1992 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn 7/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương Văn T1 (đã chết) và bà Ma Thị M; có vợ là Hoàng Thị T và 01 con sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bị Tòa nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số:

03/2011/HS-ST, ngày 28/01/2011, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 05/6/2020, sau đó tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Chị Lộc Thị Y, sinh năm 1983, cư trú tại: Thôn P, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1989, cư trú tại: Thôn B, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người làm chứng:

Anh Hoàng Kim N, vắng mặt;

Chị Nguyễn Thị H, vắng mặt;

Chị Nguyễn Thị Q, vắng mặt;

Anh Lưu Văn V, vắng mặt;

Anh Hoàng Văn N, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 05/6/2020, tại lán chăn nuôi của gia đình bị cáo Vương Văn T ở sát trục đường tuần tra biên giới, khu vực đường mòn Mốc 1231 cách biên giới khoảng 100m về phía Việt Nam thuộc thôn B, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, tổ công tác Đoàn Biên phòng C - Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn trên đường làm nhiệm vụ phát hiện trong lán có 05 người trong đó có 03 nam, 02 nữ đang ngồi trong lán có biểu hiện nghi vấn xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Tổ công tác yêu cầu các đối tượng xuất trình giấy tờ nhưng các đối tượng không có. Những người trong lán gồm: Bị cáo Hoàng Văn P; bị cáo Vương Văn T; anh Hoàng Kim N, sinh ngày 01/02/1988, trú tại: Thôn Y, xã X, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; chị Nguyễn Thị H sinh ngày 11/03/1997, trú tại: Thôn Y, xã X, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; chị Nguyễn Thị Q sinh ngày 07/4/1996, trú tại: Xóm K, xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

Qua điều tra đã xác định: Cuối tháng 5/2020, thông qua mạng Zalo, anh Hoàng Kim N quen biết D (không biết họ, địa chỉ cụ thể) là người thường đưa người sang Trung Quốc làm thuê. Do vợ chồng anh Hoàng Kim N có nhu cầu đi Trung Quốc lao động nên anh Hoàng Kim N đã liên lạc với D. Tối ngày 02/6/2020, D báo cho anh Hoàng Kim N biết ngày 04/6/2020 đến bến xe phía Bắc, Thành phố S sẽ có người đón và đưa xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, chi phí hết 9.550.000đồng/người, anh Hoàng Kim N bảo khi nào sang Trung Quốc làm có tiền sẽ thanh toán sau. Sau đó, anh Hoàng Kim N được D thêm vào một nhóm Zalo gồm D, anh Hoàng Kim N và chị Nguyễn Thị Q, để tiện cho

việc trao đổi đi Trung Quốc. Khoảng 10 giờ ngày 04/6/2020, anh Hoàng Kim N, Chị Nguyễn Thị H đi xe khách từ tỉnh Bắc Ninh đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày thì tới bến xe phía Bắc, Thành phố S. Anh Hoàng Kim N liên lạc và gặp chị Nguyễn Thị Q tại nhà nghỉ P (đối diện bến xe phía Bắc, Thành phố S). Sau đó anh Hoàng Kim N thông báo cho D biết và D bảo anh Hoàng Kim N cứ đợi ở nhà nghỉ P sẽ có người đến đón đi Trung Quốc.

Khoảng 20 giờ ngày 04/6/2020, bị cáo Hoàng Văn P được một người phụ nữ tên L (không biết họ, nhà ở Thành phố S sử dụng số điện thoại 0919.673.580) gọi điện bảo đón và đưa 03 người khách (gồm 01 nam, 02 nữ) từ cổng trường tiểu học xã E, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào khu vực mốc 1228 thuộc thôn B, xã M, huyện L để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc với tiền công là 200.000 đồng, sẽ có người của L đón ở bên Trung Quốc. Bị cáo Hoàng Văn P đồng ý và gọi điện thoại cho bị cáo Vương Văn T bảo ra quán nước nhà anh Lưu Văn V trú tại thôn B, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn nói chuyện. Tại đây, bị cáo Hoàng Văn P hỏi bị cáo Vương Văn T đường mòn mốc 1231 cạnh lán của bị cáo Vương Văn T tại thôn B có đi sang Trung Quốc được không, bị cáo Vương Văn T nói không đi được vì có Công an Trung Quốc trực ở đó. Bị cáo Hoàng Văn P bảo bị cáo Vương Văn T cùng đi ra khu vực cổng trường tiểu học xã E, huyện L đón một người đưa vào đường mòn mốc 1228 để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, tiền công là 100.000 đồng, bị cáo Vương Văn T đồng ý.

Khoảng 22 giờ ngày 04/6/2020, anh Hoàng Kim N đang ở nhà nghỉ P thì nhận được điện thoại của một người đàn ông (*không rõ họ tên, địa chỉ*) bảo ra trước cửa nhà nghỉ P có xe đón. Sau đó anh Hoàng Kim N, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Q cùng lên một xe ô tô loại 07 chỗ do một người đàn ông điều khiển đến gần Trường tiểu học xã E, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Khoảng 23 giờ cùng ngày, bị cáo Hoàng Văn P nhận được điện thoại của L thông báo khách sắp đến. Sau đó các bị cáo Hoàng Văn P, Vương Văn T điều khiển mỗi người một chiếc xe mô tô đến khu vực trường tiểu học xã E, huyện L để đón anh Hoàng Kim N, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Q. Bị cáo Hoàng Văn P chở anh Hoàng Kim N và chị Nguyễn Thị H, bị cáo Vương Văn T chở chị Nguyễn Thị Q đi vào khu vực đường mòn mốc 1228 để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Trên đường đi, L gọi điện thông báo cho bị cáo Hoàng Văn P biết có lực lượng chức năng Trung Quốc đi tuần nên không đi sang Trung Quốc được và bảo đưa khách quay lại. Do lo sợ lực lượng chức năng phát hiện, bị cáo Hoàng Văn P bảo bị cáo Vương Văn T đưa khách về lán của bị cáo Vương Văn T ngồi nghỉ. Sau đó, các bị cáo đưa anh Hoàng Kim N, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Q về lán của bị cáo Vương Văn T tại khu vực mốc 1231 thuộc thôn B, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Lúc này trong lán có anh Hoàng Văn N đang ngồi nhưng bị cáo Hoàng Văn P và Vương Văn T không cho anh Hoàng Văn N biết việc đang tổ chức cho 03 người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 05/6/2020, lực lượng của Đoàn Biên phòng C kiểm tra lán của bị cáo Vương Văn T phát hiện các bị cáo Hoàng Văn P, Vương Văn T đang

có hành vi Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và đưa về trụ sở giải quyết.

Tại Bản Cáo trạng số 86/CT-VKS-P2 ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Hoàng Văn P, Vương Văn T về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Lộc Thị Y và chị Hoàng Thị T trình bày xe mô tô do các bị cáo điều khiển để đưa người sang Trung Quốc là tài sản chung của vợ chồng, là phương tiện đi lại duy nhất trong gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại xe mô tô.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án, những người làm chứng anh Hoàng Kim N, chị Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị Q đều trình bày do có ý muốn xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc làm thuê nên được người tên D sắp xếp gặp và được các bị cáo đưa sang Trung Quốc.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn P, Vương Văn T phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Hoàng Văn P từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Vương Văn T từ 14 tháng đến 18 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đã qua sử dụng, kiểu máy CPH1937, số IMEI1: 860028040851453, số IMEI2: 860028040851446, bên trong có 02 sim Viettel thu giữ của bị cáo Hoàng Văn P. Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn P 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Airblade màu vàng đen, BKS 12L1-05618; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 081035161 mang tên Hoàng Văn P; 01 (một) sim Viettel, số seri 08984048000301793912; 01 (một) Giấy phép lái xe mô tô 2 bánh số 200112204174 mang tên Hoàng Văn P; 01 (một) Giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 008803 mang tên Hoàng Văn P; 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô, xe máy số 00155624 mang tên Hoàng Văn P; 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô, xe máy số 01283567 mang tên Mã Văn L; 08 (tám) tờ tiền Việt Nam loại mệnh giá 500.000 đồng/tờ, 06 (sáu) tờ tiền Việt Nam loại mệnh giá 200.000 đồng/tờ và 01 (một) tờ tiền Việt Nam loại mệnh giá 50.000 đồng/tờ được niêm phong trong một phong bì dán kín có chữ ký cùng tên của các thành phần tham

gia niêm phong và dấu tròn của UBND xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Trả lại cho bị cáo Vương Văn T 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu đen trắng, BKS 12L1-10452, số khung RLCS5C6JOFY137727, số máy: 5C6J-137732; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng, đã qua sử dụng, kiểu máy CPH2043, số IMEI1: 8602020423311232, số IMEI2: 8602020423311224, bên trong có 01 sim Viettel. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Hoàng Văn P, Vương Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng, các bị cáo hối hận về hành vi phạm tội và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt những người làm chứng nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không khiếu nại quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, do đó có căn cứ xác định: Ngày 05/6/2020, bị cáo Hoàng Văn P và bị cáo Vương Văn T đã thực hiện hành vi đưa 03 người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Các bị cáo nhận thức được hành vi đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc là xâm phạm hoạt động quản lý hành chính của Nhà nước về lĩnh vực xuất cảnh; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nhưng vì mục đích vụ lợi nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, cả hai bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm

tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Vương Văn T có bố được Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn tặng Giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia giai đoạn 5 năm (2001-2005), có ông bà được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất và huân chương kháng chiến hạng nhì nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hoàng Văn P có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự do thời điểm phạm tội chưa được xóa án tích tại Bản án số: 19/2015/HS-ST, ngày 02/6/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Bị cáo Vương Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo Hoàng Văn P đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt về tội Mua bán người, chưa được xóa án tích; bị cáo Vương Văn T đã bị Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử về tội Trộm cắp tài sản, các bị cáo là người có nhân thân không tốt.

[8] Về hình phạt chính: Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, cần xử phạt các bị cáo hình phạt nghiêm khắc nhằm mục đích răn đe, giáo dục và bảo đảm công tác đấu tranh phòng chống tội phạm đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 có nhiều diễn biến phức tạp như hiện nay. Đây là vụ án đồng phạm, bị cáo Hoàng Văn P là người trực tiếp liên lạc với đầu mối tại Lạng Sơn, có vai trò chính trong việc tổ chức đưa 03 người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc; bị cáo Vương Văn T do hám lợi nên đã đưa 01 người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, có vai trò thứ yếu, cả hai bị cáo đều chưa nhận được tiền thù lao. Các bị cáo đều đã từng bị Tòa án xét xử nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện là người thiếu ý thức tu dưỡng bản thân, coi thường pháp luật nên cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội. Tuy nhiên các bị cáo đều người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, là lao động chính trong gia đình làm nông nghiệp nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ phần nào mức án để các bị cáo yên tâm cải tạo. Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đề nghị là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận.

[9] Hình phạt bổ sung: Kết quả xác minh, các bị cáo đều làm ruộng, có thu nhập thấp, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đã qua sử dụng, kiểu máy CPH1937, số IMEI1: 860028040851453, số IMEI2: 860028040851446, bên trong có 02 sim Viettel là vật bị cáo Hoàng Văn P sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu

hóa giá sung ngân sách Nhà nước. Đối với 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Airblade màu vàng đen, BKS 12L1-05618 là tài sản chung, là phương tiện đi lại duy nhất của bị cáo Hoàng Văn P và chị Lộc Thị Y; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 081035161 mang tên Hoàng Văn P; 01 (một) sim Viettel, số seri 08984048000301793912; 01 (một) Giấy phép lái xe mô tô 2 bánh số 200112204174 mang tên Hoàng Văn P; 01 (một) Giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 008803 mang tên Hoàng Văn P; 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô, xe máy số 00155624 mang tên Hoàng Văn P; 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô, xe máy số 01283567 mang tên Mã Văn L; 08 (tám) tờ tiền Việt Nam loại mệnh giá 500.000 đồng/tờ, 06 (sáu) tờ tiền Việt Nam loại mệnh giá 200.000 đồng/tờ và 01 (một) tờ tiền Việt Nam loại mệnh giá 50.000 đồng/tờ được niêm phong trong một phong bì dán kín có chữ ký cùng tên của các thành phần tham gia niêm phong và dấu tròn của UBND xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo Hoàng Văn P. Đối với 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu đen trắng, BKS 12L1-10452, số khung RLCS5C6JOFY137727, số máy: 5C6J-137732 là tài sản chung, là phương tiện đi lại duy nhất của bị cáo Vương Văn T và chị Hoàng Thị T; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng, đã qua sử dụng, kiểu máy CPH2043, số IMEI1: 8602020423311232, số IMEI2: 8602020423311224, bên trong có 01 sim Viettel không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo Vương Văn T.

[11] Đối với người có tên L là người đã thuê Hoàng Văn P đưa người sang Trung Quốc sử dụng số điện thoại 0919.673.580, 0971.225.385, bị cáo Hoàng Văn P khai địa chỉ không rõ ràng. Cơ quan An ninh điều tra đã phối hợp với Tổng công ty hạ tầng mạng (VNPT-NET) xác minh số điện thoại trên, kết quả: số điện thoại 0919.673.580 đăng ký thông tin của chủ thuê bao là Nguyễn Thu T, trú tại xã Đ, huyện R, tỉnh Lạng Sơn và số điện thoại 0971.225.3xx đăng ký chủ thuê bao là Nguyễn Thị T trú tại thôn C, xã E, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Qua xác minh, triệu tập ghi lời khai đối với Nguyễn Thu T, Nguyễn Thị T khẳng định không được sử dụng số điện thoại 0919.673.5xx, 0971.225.38xx, không sử dụng Chứng minh thư nhân dân hoặc cho ai mượn Chứng minh thư nhân dân của mình để đăng ký sử dụng số điện thoại, không quen biết ai là Hoàng Văn P, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với người tên D đã sắp xếp, tổ chức cho Hoàng Kim N, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Q xuất cảnh trái phép sang Trung và người đàn ông lái xe ô tô loại 07 chỗ đón Hoàng Kim N, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Q từ nhà nghỉ P đến khu vực Trường tiểu học xã E, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do không có thông tin cụ thể nên Cơ quan An ninh điều tra không xác minh làm rõ được, Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Đối với anh Lưu Văn V là chủ quán nước ở thôn B, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn – nơi Hoàng Văn P và Vương Văn T trao đổi việc tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép; anh Hoàng Văn N là người có mặt tại lán của

Vương Văn T ở gần mốc 1231 thời điểm Hoàng Văn P, Vương Văn T đưa 03 khách xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc vào lán của Vương Văn T: Do anh Lưu Văn V và anh Hoàng Văn N không biết các bị cáo Hoàng Văn P, Vương Văn T thực hiện hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép nên không liên quan trong vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Các bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[16] Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hoàng Văn P.

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Vương Văn T.

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn P và Vương Văn T phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

2. Về hình phạt

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn P 02 (hai) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/6/2020.

Xử phạt bị cáo Vương Văn T 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/6/2020.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đã qua sử dụng, kiểu máy CPH1937, số IMEI1: 860028040851453, số IMEI2: 860028040851446, bên trong có 02 sim Viettel tạm giữ của bị cáo Hoàng Văn P.

Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn P 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Airblade màu vàng đen, BKS 12L1-05618; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 081035161 mang tên Hoàng Văn P; 01 (một) sim Viettel, số seri 08984048000301793912; 01 (một) Giấy phép lái xe mô tô 2 bánh số

200112204174 mang tên Hoàng Văn P; 01 (một) Giấy đăng ký xe mô tô xe máy số 008803 mang tên Hoàng Văn P; 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô, xe máy số 00155624 mang tên Hoàng Văn P; 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô, xe máy số 01283567 mang tên Mã Văn L; 08 (tám) tờ tiền Việt Nam loại mệnh giá 500.000 đồng/tờ, 06 (sáu) tờ tiền Việt Nam loại mệnh giá 200.000 đồng/tờ và 01 (một) tờ tiền Việt Nam loại mệnh giá 50.000 đồng/tờ được niêm phong trong một phong bì dán kín có chữ ký cùng tên của các thành phần tham gia niêm phong và dấu tròn của UBND xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Trả lại cho bị cáo Vương Văn T 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu đen trắng, BKS 12L1-10452, số khung RLCS5C6JOFY137727, số máy: 5C6J-137732; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng, đã qua sử dụng, kiểu máy CPH2043, số IMEI1: 8602020423311232, số IMEI2: 8602020423311224, bên trong có 01 sim Viettel.

(Vật chứng trên đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 11/9/2020).

4. Về án phí

Các bị cáo Hoàng Văn P, Vương Văn T phải chịu mỗi người 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CQTHAHS CA h.Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Huyền Trang

